

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 503/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tiêu Thị Kim Liên

Ông Phan Minh Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1563/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐHPT-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021.

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm 1978; Cư trú tại: Ô1/250 Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1965; Cư trú tại: Số 416/7/4 đường N, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2020 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị Bích H trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn P có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 279 ngày 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, bà và ông Huỳnh Văn P có 02 (hai) con chung là trẻ Huỳnh Lê Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 và trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012.

Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa hai vợ chồng bà và ông P phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010. Ông Huỳnh Văn P thường xuyên chửi bới vợ con, ông P cứ đi làm về nhà là chửi bới vợ con. Tới năm 2016 bà đã sống ly thân với ông P và cùng trẻ Huỳnh Lê Bình A chuyển về Tây Ninh sống tại địa chỉ Ô1/250 Khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nhận thấy tình cảm giữa bà và ông P đã hết, bà H đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn P để bà được ổn định cuộc sống, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông Huỳnh Văn P có 02 (hai) con chung là trẻ Huỳnh Lê Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 và trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 (hai) con chung là trẻ Huỳnh Lê Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 và trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012 và không yêu cầu ông Huỳnh Văn P phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn ông Huỳnh Văn P vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích H được ly hôn với ông Huỳnh Văn Phú .

Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Lê Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 và trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc và giáo dục, ghi nhận bà Lê Thị Bích H không yêu cầu ông Huỳnh Văn P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích H đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 361/2020/QĐ-CCTLCC ngày 17/8/2020 và Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 521/2020/QĐ-CCTLCC ngày 10/6/2020; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Lê Thị Bích H yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Huỳnh Văn P, nguyên đơn bà Lê Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Lê Thị Bích H và ông Huỳnh Văn P.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 279 do Ủy ban nhân dân Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2008 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bích H và ông Huỳnh Văn P là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn là bà Lê Thị Bích H thì nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn là do ông Huỳnh Văn P thường xuyên chửi bới vợ con trong thời gian vợ chồng chung sống. Vì không chịu đựng được mà bà H và ông P đã sống ly thân từ lâu. Vào cuối năm 2019, bà và ông P đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó bà đã rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Nay bà H đã làm đơn khởi kiện tới Tòa án để yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Huỳnh Văn P không đến tòa làm việc dù chỉ 1 lần. Từ đó thể hiện ông không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thị Bích H và ông Huỳnh Văn P không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Bích H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích H với ông Huỳnh Văn P.

Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 70 ngày 15/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế có đủ cơ sở xác định chị Huỳnh Lê

Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 (đã trưởng thành) và Giấy khai sinh số 148 ngày 10/4/2012 của Ủy ban nhân dân Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012 là con chung của bà Lê Thị Bích H và ông Huỳnh Văn P.

Quá trình giải quyết vụ án và tại các biên bản làm việc bà Lê Thị Bích H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012, tại biên bản ghi nhận ngày 06/7/2020, trẻ Huỳnh Lê Bình A thể hiện nguyện vọng trong trường hợp ba mẹ ly hôn thì trẻ Huỳnh Lê Bình A muốn được ở với mẹ là bà Lê Thị Bích H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bích H, giao trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà Lê Thị Bích H không yêu cầu ông Huỳnh Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích H phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bích H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích H được ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 279, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 12 năm 2008 không còn hiệu lực.

Về con chung: Tại thời điểm xét xử trẻ Huỳnh Lê Thị Kim N, sinh ngày 12/4/2003 (đã trưởng thành); Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bích H giao trẻ Huỳnh Lê Bình A, sinh ngày 20/3/2012 cho bà Lê Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà Lê Thị Bích H không yêu cầu ông Huỳnh Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Văn P được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Lê Thị Bích H phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026110 ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Lê Thị Bích H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q. Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng